



















































BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN PANASONIC

Panasonic

FULL-COLOR
WIDE
SERIES

Panasonic

FULL-COLOR
WIDE
SERIES

 WEV5001 / WEV5001-7 (Cắm nhanh / Bớt vít) Công tắc đơn 250VAC - 16A Switch B (1-Way) / Screw Type	19.000	 WEV1081 / WEV1081-7 (Cắm nhanh / Bớt vít) Ổ cắm đơn có màn che 250VAC - 16A Universal Receptacle With Safety Shutter / Screw Type	33.000	 WEV68010W Mặt đúng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate	14.700	 WEG6804W Mặt đúng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate	26.000
 WEV5002 / WEV5002-7 (Cắm nhanh / Bớt vít) Công tắc C (Cấu thang) 250VAC - 16A Switch C (2-Way) / Screw Type	38.000	 WEV1181 / WEV1181-7 (Cắm nhanh / Bớt vít) Ổ cắm đơn có dây nối đất và màn che 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter / Screw Type	59.000	 WEV68020W Mặt đúng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate	14.700	 WEG6806W-SP Mặt đúng cho 5 thiết bị 2 gang - 5 devices plate	26.000
 WEG5151-51K / WEG51517 (Cắm nhanh / Bớt vít) Công tắc đơn có đèn báo khi OFF 250VAC - 16A Illuminated switch B / Screw Type	90.000	 WEV1582 / WEV1582-7 (Cắm nhanh / Bớt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter / Screw Type	86.000	 WEV68030W Mặt đúng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate	14.700	 WEG6806W Mặt đúng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate	26.000
 WEG5003K Công tắc D (2 tiếp điểm) Switch D (2 pole) 250VAC-16A	122.000	 WEV1091 Ổ cắm đơn Universal Receptacle 250VAC-16A	24.000	 WEV68910W Mặt kín đơn Single cover plate	14.700	 WEG7901 Mặt 1 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 1 device IP55	200.000
 WEG5004K Công tắc E Switch E (4-Way) 250VAC-16A	197.000	 WEV1191 Ổ cắm đơn có dây nối đất Grounding universal receptacle 250VAC-16A	56.000	 WEV680290W Mặt đúng riêng cho WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB 1 gang - 1 device plate for WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB only	14.700	 WEG7902 Mặt 2 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 2 devices IP55	200.000
 WEG5152-51K Công tắc C có đèn báo khi OFF - cắm nhanh Illuminated switch C 250VAC-16A	116.000	 WEV1592 Ổ cắm đôi có dây nối đất Grounding duplex universal receptacle 250VAC-16A	81.000	 WEG8981 Mặt có nắp che mưa Weatherproof plate - IP55	195.000	 WEG7903 Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 3 devices IP55	200.000
 WEG51527 Công tắc C có đèn báo khi OFF - bớt vít Illuminated switch C - Screw Type 250VAC-16A	116.000	 WEG1001 Ổ cắm đơn (Dùng cho phích cắm dẹp) Flat pin receptacle 250VAC-16A	25.000	CHUYÊN DỤNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES			
 WEG5141 Công tắc B có đèn báo khi ON Illuminated switch B 250VAC-16A	231.000	 WEG1090 Ổ cắm đơn (Dùng cho phích cắm tròn) Round pin receptacle 250VAC-16A	25.000	 WEG3032R-021 Đèn báo "Dừng làm phiền" "Do not disturb" pilot lamp 220VAC	139.000	 WEB1051W Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu Shaver socket built switch In: 220VAC out: 110VAC or 240VAC	1.400.000
 WEG5401-011 Nút nhấn chuông Bell push button 250VAC-10A	60.000	 WEG2501 Ổ cắm anten TV Television Terminal 75 Ohm	74.000	 WEG3032B-031 Đèn báo "Xin dọn phòng" "Please clean up" pilot lamp 220VAC	139.000	 WEG5781W Công tắc thẻ Card - switch 220V - 16A	1.120.000
 WEG575151 Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn Loại có chức năng bắt tắt Dimmer for incandescent lamp, Off function type 220VAC-500W	260.000	 WEG2364 Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone Modular jack 6P4C	74.000	BS-TYPE			
 WEG3020 Mặt trống Blank chip	9.5000	 WEG2488 - CAT5 WEG2488P - CAT5 Ổ cắm data RJ45-8P8C Data modular jack RJ45-8P8C	162.000 195.000	 WEB7811W Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate	14.700	 WEB1111WK Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS Receptacle - BS standard 250VAC-13A	116.000
 WEG3023 Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip 9mm dia/16mm	9.5000	 WEGP1041W-1 Bộ ổ cắm đa năng (chuẩn A) I-gang Multiple Socket (A type plate) 250V - 13A	240.000	 WEB7812W Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 device plate	14.700	 WEBP1041W-P Bộ ổ cắm đa năng (chuẩn BS) 1-5-gang Multiple Socket (BS type plate) 250V - 13A	240.000
				 WEB7813W Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 device plate	14.700	 FA105 Đế âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS Wiring Box - BS Standard - 1 gang	6.000
				 WBC8991W Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc IPX3	186.000	 WBC7010 Thiết bị chuyển tiếp 20A, hình dạng vuông, màu trắng	122.000
				 WBC8981SW Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm IPX3	170.000	 WBC7020 Thiết bị chuyển tiếp 45A, hình dạng vuông, màu trắng	168.000

1

2

	WEV5001H/WEV5001-7H Công tắc đơn Switch B (1-Way) 250VAC-16A	31.000
	WEV5002H/WEV5002-7H Công tắc C (cầu thang) Switch C (2-Way) 250VAC-16A	54.000
	WEG5003KH Công tắc D (2 tiếp điểm) Switch D (2-Point) 250VAC-16A	175.000
	WEG5004KH Công tắc E Switch E (4-Way) 250VAC-16A	272.000
	WEG5151-51KH/WEG51517H Công tắc đơn có đèn báo khi OFF Switch B (1-Way) 250VAC-16A	119.000
	WEG5152-51KH/WEG51527H Công tắc C có đèn báo khi OFF Switch C (2-Way) 250VAC-16A	145.000
	WEG5401-7H Nút nhấn chuông Bell push button 250VAC-10A	85.000
	WEG3032RH/GH/WH Đèn báo màu đỏ/xanh lá/trắng Fluor lamp, Red/Green/White 220VAC	144.000
	WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn Dimmer for Incandescent lamp, Off function type 220VAC-500W	473.000
	WEG575081H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn Dimmer for Incandescent lamp 220VAC-500W	557.000
	WEG3020H Nút trống Blank chip	13.000
	WEG6501-1 Mặt dây kim loại bằng nhôm Dùng cho 1 thiết bị 1 device metal plate	70.000
	WEG6502-1 Mặt dây kim loại bằng nhôm Dùng cho 2 thiết bị 2 device metal plate	70.000

	WEV1081H/WEV1081-7H Ổ cắm đơn có màn che Universal receptacle with safety shutter 250VAC-16A	42.000
	WEV1091H Ổ cắm đơn Universal Receptacle 250VAC-16A	35.000
	WEG1001H Ổ cắm đơn (Dùng cho phích cắm dẹp) Flat pin receptacle 250VAC-16A	31.000
	WEV1181H/WEV1181-7H Ổ cắm đơn có dây nối đất và màn che Grounding universal receptacle with safety shutter 250VAC-16A	80.000
	WEV1191H Ổ cắm đơn có dây nối đất Grounding universal receptacle 250VAC-16A	75.000
	WEV1582H/WEV1582-7H Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất Grounding duplex universal receptacle with safety shutter 250VAC-16A	117.000
	WEV1592H Ổ cắm đôi có dây nối đất Grounding duplex universal receptacle 250VAC-16A	110.000
	WEG2501H Ổ cắm anten TV Television Terminal 75 Ohm	112.000
	WEG2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone Modular jack 6P4C	108.000
	WEG2488H Ổ cắm data Data modular	195.000
	WEG3023H Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip 9mm dia/16mm dia	13.000
	WEG6503-1 Mặt dây kim loại bằng nhôm Dùng cho 3 thiết bị 3 device metal plate	70.000
	WEG6502B-1 Mặt dây kim loại bằng nhôm Dùng riêng cho WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB 1 device metal plate for WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB only	70.000

	WEG68010MB Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate	23.000
	WEG68020MB Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate	23.000
	WEG68030MB Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate	23.000
	WEG6804MB Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices color plate	42.000
	WEG6806MB Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices color plate	42.000
	WEG680290MB Mặt dùng riêng cho WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB 1 gang - 1 device color plate WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB only	23.000
	WEG68010MW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate	23.000
	WEG68020MW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate	23.000
	WEG68030MW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate	23.000
	WEG6804MW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices color plate	42.000
	WEG6806MW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices color plate	42.000
	WEG680290MW Mặt dùng riêng cho WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB 1 gang - 1 device color plate WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB only	23.000

Refina Màu

	WEG55317MB Công tắc B màu đen ánh kim Switch B (1 - Way) 250 VAC-16A	40.000
	WEG55327MB Công tắc C màu đen ánh kim Switch C (2 - Way) 250 VAC-16A	70.000
	WEG55317MW Công tắc B màu trắng ánh kim Switch B (1 - Way) 250 VAC-16A	40.000
	WEG55327MW Công tắc C màu trắng ánh kim Switch C (2 - Way) 250 VAC-16A	70.000

Refina Trắng

	WEG5531/WEG55317 Công tắc đơn loại nhỏ Switch B - 1 way 250 VAC-16A	31.000
	WEG5521/WEG55217 Công tắc đơn loại trung Switch B - 1 way 250 VAC-16A	31.000
	WEG5511/WEG55117 Công tắc đơn loại lớn Switch B - 1 way 250 VAC-16A	31.000
	WEG5542-7 Công tắc đơn loại nhỏ Switch C - 3 way 250 VAC-10A Dùng với mặt WEG68030W	120.000
	WEG5532/WEG55327 Công tắc 2 chiều loại nhỏ Switch C - 2 way 250 VAC-16A	54.000
	WEG5522/WEG55227 Công tắc 2 chiều loại trung Switch C - 2 way 250 VAC-16A	54.000
	WEG5512/WEG55127 Công tắc 2 chiều loại lớn Switch C - 2 way 250 VAC-16A	54.000
	WEG5537 Công tắc D có đèn báo (2 tiếp điểm) Glow Switch D (2point) - screw type 250 VAC-20A	230.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO

<p>WTEGP51562S-1-G Bộ 1 công tắc có đèn báo Illuminated Switch "C", 3-way 1-Device with plate 700.000</p>	<p>WTEGP52562S-1-G Bộ 2 công tắc có đèn báo Illuminated Switch "C", 3-way 2-Device with plate 1.200.000</p>	<p>WTEGP53572S-1-G Bộ 3 công tắc có đèn báo Illuminated Switch "C", 3-way 3-Device with plate 1.780.000</p>
---	---	---

<p>WTEGP54562S-1-G Bộ 4 công tắc có đèn báo Illuminated Switch "C", 3-way 4-Device with plate 2.400.000</p>	<p>WTEGP55582S-1-G Bộ 5 công tắc có đèn báo Illuminated Switch "C", 3-way 5-Device with plate 2.970.000</p>	<p>WTEGP56572S-1-G Bộ 6 công tắc có đèn báo Illuminated Switch "C", 3-way 6-Device with plate 3.550.000</p>
---	---	---

MẶT ĐẬY & Ổ CẮM

<p>WTEG6503S-G Mặt ngang 3 thiết bị 1-Gang, 3-Devices 430.000</p>	<p>WTEG6506S-G Mặt ngang 6 thiết bị 2-Gang, 6-Devices 850.000</p>	<p>WTEG6503S-1-G Mặt ngang 3 thiết bị 1-Gang, 3-Devices 430.000</p>
---	---	---

<p>WEG2501B-G Ổ cắm TV DIN type television terminal 120.000</p>	<p>WEG2364B-G Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone Modular Jack (6P4C) 118.000</p>	<p>WEG2488B-G Ổ cắm dạng CAT5 CAT5E data Modular Jack 230.000</p>
---	--	---

<p>WEG15029B-G Ổ cắm ổ có màn che và dây nối dây 16A 250V Grounding duplex universal receptacle with safety shutter 16A 250V 127.000</p>	<p>WEG57816B-1-G Bộ điều chỉnh sáng tối 500W, 220V Dimmer switch 220VAC 500W 550.000</p>	<p>WEG57813B-1-G Bộ điều chỉnh sáng tối 300W, 220V Dimmer switch 220VAC 300W 490.000</p>
--	--	--

COSMO ART SERIES

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO

<p>WTAG7352CL Bộ 3 công tắc 250 VAC-16A Illuminated switch C 250 VAC-16A 1.210.000</p>	<p>WTAG7252CL Bộ 2 công tắc 250 VAC-16A Illuminated switch C 250 VAC-16A 810.000</p>	<p>WTAG7152CL Bộ 1 công tắc 250 VAC-16A Illuminated switch C 250 VAC-16A 415.000</p>
--	--	--

Ổ CẮM CÓ DÂY

<p>WCHG28334 Loại 3 ổ cắm - 3 công tắc phụ 16A - 250VAC 920.000</p>	<p>WCHG28352 Loại 5 ổ cắm - 1 công tắc phụ 16A - 250VAC 745.000</p>	<p>WCHG2836 Loại 6 ổ cắm 16A - 250VAC 680.000</p>
---	---	---

CHUÔNG ĐIỆN

<p>EGG631 Nút nhấn chuông - kim nước Bell push button 250VAC - 10A 92.000</p>	<p>EBG888 Chuông điện Door chime 220V - 9.5W 170.000</p>
---	--

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ HỘP ÂM (Loại lắp 2 thiết bị)

Cả hộp âm - Qui cách hộp âm: 102 x 102 x 45mm

<p>DU8102HTC-1 Ổ cắm đơn có dây nối đất, có màn che Grounding universal receptacle with safety shutter 250VAC-16A 599.000</p>	<p>DU3-A 1 ổ data RJ45-8P8C-CAT5 & 1 nút trống Data modular jack RJ45-8P8C-CAT5, and 1 blank chip 773.000</p>
<p>DU7199HTC-1 Mặt ổ âm sàn - 2 thiết bị bao gồm đế âm Floor outlet, blank for Double Device with cover unit 599.000</p>	<p>DU4-A 1 ổ data RJ45-8P8C-CAT5 & 1 ổ cắm Data modular jack RJ45-8P8C-CAT5, and an universal receptacle 787.000</p>
<p>DU8100HTC-1 2 ổ cắm thường Double universal receptacle 250VAC-16A 583.000</p>	<p>DU81233HTC-1-A 2 ổ điện thoại 6P4C Double telephone modular jack 6P4C 750.000</p>
<p>DU1-A 1 ổ điện thoại 6P4C & 1 nút trống Telephone modular jack 6P4C, and 1 blank chip 685.000</p>	<p>DU81235HTC-1-A 1 ổ data RJ45-8P8C-CAT5 & 1 ổ điện thoại 6P4C 1 Data modular jack RJ45-8P8C-CAT5 1 telephone modular jack 6P4C 838.000</p>
<p>DU2-A 1 ổ điện thoại 6P4C & 1 ổ cắm Telephone modular jack 6P4C and an universal receptacle 699.000</p>	<p>DU8135SHTC-1-A 2 ổ data RJ45-8P8C-CAT5 2 Data modular jack RJ45-8P8C-CAT5 926.000</p>

Ổ CẮM ÂM SÀN (Bằng nhôm, loại lắp 3 thiết bị)

<p>DUF1200LTX-1 Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị) Bao gồm đế âm Floor outlet, blank for triple device with outlet box 990.000</p>
--

<p>DUMF3200LT-1 Bộ ổ âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị) bao gồm đế âm (54 x 120 x 120) Multi floor outlet, blank for six device with outlet box 1.650.000</p>

<p>DU8199HTC-1 Mặt ổ âm sàn - 3 thiết bị bao gồm đế âm Floor outlet, blank for Triple Device with cover unit 714.000</p>
--

<p>DU81931HTK-1 2 ổ cắm có dây nối đất Grounding duplex universal receptacle 250VAC-16A 794.000</p>

<p>DU81835HTC-1-A 1 ổ cắm có dây nối đất có màn che & 1 ổ data RJ45-8P8C-CAT5 Grounding universal receptacle and data modular jack RJ45-8P8C-CAT5 938.000</p>

<p>DU7171HTC-1-A 1 ổ data RJ45-8P8C-CAT5, 1 ổ điện thoại 6P4C & 1 ổ cắm Data modular jack RJ45-8P8C-CAT5, Telephone modular jack 6P4C and an universal receptacle 976.000</p>

<p>DU5-A 2 ổ điện thoại 6P4C & 1 ổ data RJ45-8P8C-CAT5 2 Telephone modular jack 6P4C and 1 Data modular jack RJ45-8P8C-CAT5 1.027.000</p>

<p>DU8-A 1 ổ điện thoại 6P4C & 2 ổ data RJ45-8P8C-CAT5 1 Telephone modular jack 6P4C and 2 Data modular jack RJ45-8P8C-CAT5 1.115.000</p>

Ổ CẮM ÂM SÀN POP-UP (Loại lắp 1 thiết bị)

<p>DU8543P Ổ cắm điện thoại - loại tròn 6P4C 1.180.000</p>	<p>DU8543P Ổ cắm điện thoại - loại vuông 6P4C 1.180.000</p>
--	---

	WNV5001-7W Công tắc đơn Switch B (1-Way) 250VAC-16A	12.000
	WNG5021W-7 Công tắc đôi Twin switch B, single pole 250V-10A	85.000
	WNV5002-7W Công tắc C (cầu thang) Switch C (2-Way) 250VAC-16A	30.000
	WNG5003W-7 Công tắc D (2 tiếp điểm) Switch D (2 pole) 250VAC-10A	99.000
	WNG5004W-7 Công tắc E Switch E (4-Way) 250VAC-10A	160.000
	WNS241W-801 Công tắc đơn có đèn báo khi ON Appellation glow switch B 300VAC-4A	354.000
	WNG5051W-751 Công tắc đơn có đèn báo khi OFF Illuminated appellation switch B 250VAC-16A	93.000
	WNG5052W-751 Công tắc C có đèn báo khi OFF Illuminated appellation switch C 250VAC-16A	109.000
	WNG5343W-761 Công tắc D có đèn báo Đùng cho máy nước nóng (có chữ) 250VAC-20A	168.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo Đùng cho máy lạnh (có chữ) 250VAC-20A	168.000
	WBG5414699W-SP Công tắc D có đèn báo Đùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) 250VAC-20A	168.000
	WBG5408699W Công tắc D có đèn báo Đùng cho bếp điện, máy nước nóng 250VAC-45A	342.000
	WSG3001 Công tắc B đơn loại nổi Surface mounting switch B, single pole 300VAC-10A	35.000
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che Universal receptacle with safe shutter 250VAC-16A	23.000
	WNV1091-7W Ổ cắm thường Universal receptacle 250VAC-10A	19.000
	WN10907KW Ổ cắm đơn (đùng cho phích cắm tròn) Round pin receptacle 250VAC-10A	25.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (Đùng cho phích cắm dẹp) Flat pin receptacle 250VAC-10A	25.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (đùng cho phích cắm dẹp) Grounding flat pin receptacle 250VAC-10A	55.000
	WNG159237W Ổ cắm đơn có dây nối đất Grounding duplex universal receptacle 250VAC-16A	72.000
	WZ1201W Ổ cắm anten TV Television Terminal 75 Ohm	63.000
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone Modular jack 6P4C	68.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45-CAT5 Data modular jack RJ45-CAT5	160.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông Bell push button 300VAC-10A	49.000
	WN3020W Nút trống Blank chip	9.500
	WN3023W Lỗi ra dây điện thoại Telephone wire chip	9.500
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi Surface mounting duplex universal receptacle 250VAC-10A	46.000





























	WZV6841W Mặt góc bo đùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate	14.7000
	WZV6842W Mặt góc bo đùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate	14.7000
	WZV6843W Mặt góc bo đùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate	14.7000
	WZV6844W Mặt góc bo đùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 device plate	26.000
	WZV6845W Mặt góc bo đùng cho 5 thiết bị 2 gang - 5 device plate	26.000
	WZV7841W Mặt góc vuông đùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate	14.7000
	WZV7842W Mặt góc vuông đùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate	14.7000
	WZV7843W Mặt góc vuông đùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate	14.7000
	WZV6846W Mặt góc bo đùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 device plate	26.000
	WNH5611-801 Công tắc thế (3 tiếp điểm) Tablet switch (3 circuits) 250V-10A	1.725.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/ BẢO CHÁY

	WTKG2311 Tủ động bật sáng khi có người và trời tối 220-240 VAC 3A Sản xuất tại Đài Loan Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút Độ nhạy cao: Điều độ với thiết bị cảm ứng Nano sản xuất theo công nghệ Panasonic Tuổi thọ cao: Tuổi thọ trung bình đạt 100.000 lần ở chế độ toàn tải	2.130.000
	WTKG2310-P Tủ động bật sáng khi có người 220-240 VAC 3A Chế độ hẹn giờ 60 giây Sản xuất tại Thái Lan Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút	1.080.000
	WTKG2411-P Sensor chính 3A 220-240V Có thể nối tải đa với 4 sensor phụ Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút Bóng đèn sợi đốt 60W - Bóng đèn huỳnh quang 330W Điều chỉnh độ nhạy sáng 5 lux - 1000 lux	1.450.000
	WTKG2911-P Sensor phụ Chỉ kết nối với WTKG2411-P, không kết nối với đèn	870.000
	SH28455911 Đầu bảo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói) Ám lượng bảo động 84 dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố có thể kỹ thuật Sản xuất tại Nhật Bản	830.000

Nano®

	FB7844 Mặt góc vuông đùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate	26.000
	FB7845 Mặt góc vuông đùng cho 5 thiết bị 2 gang - 5 devices plate	26.000
	FB7846 Mặt góc vuông đùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate	26.000
	FB903 Mặt góc vuông đùng cho công tắc thả 1 gang - 1 device plate for tablet switch	14.700
	FB7842H Mặt góc vuông đùng cho 1 CB (Atomat) & 2 thiết bị 2 gang - plate for 1 HB & 2 devices	26.000
	FB7843H Mặt góc vuông đùng cho 1 CB (Atomat) & 3 thiết bị 2 gang - plate for 1 HB & 3 devices	26.000

 FULL	FXF302WW-Nano Đèn báo màu trắng Pilot lamp, White 220VAC	14.000		FPCA101 Hộp âm nhựa trắng, đơn Wiring box - 1 gang	8.000
 FULL	FXF302GW-Nano Đèn báo màu xanh Pilot lamp, Green 220VAC	14.000	 NEW	FPCA102 Hộp âm nhựa trắng, đôi Wiring box - 2 gang	14.000
 FULL	FXF302RW-Nano Đèn báo màu đỏ Pilot lamp, Red 220VAC	14.000		FN101M Hộp nối đơn Urface box	10.000
 FULL	FDF603FW/FDL603FW Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/ độ sáng đèn Dimmer for fan/lamp 220VAC-700W	50.000		FN102W/FN102M Hộp nối đôi Duplex surface box	15.000
 FULL	FDL903FW Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn Dimmer for Incandescent lamp 220VAC-1000W	70.000		FN101RM Hộp nối đơn (Dùng cho loại mặt có thiết kế bo tròn) Surface box	10.000
 FULL	FF101FW Cầu chì Fuse 220VAC-10A	13.000		FN102RM Hộp nối đôi (Dùng cho loại mặt có thiết kế bo tròn) Duplex surface box	15.000
 WIDE	FXW302W Đèn báo màu trắng Pilot lamp, White 220VAC	14.000		FPCA103 Hộp nối dây tròn, nhựa trắng Round junction box	10.000
 WIDE	FXW302R Đèn báo màu đỏ Pilot lamp, Red 220VAC	14.000		FPCA106 Hộp nối dây 150x150x50 Wiring box 150x150x50	30.000
 WIDE	FXW302G Đèn báo màu xanh lá Pilot lamp, Green 220VAC	14.000	 NEW	FPA10050V Hộp nối dây 108x108x55 Wiring 108x108x55	20.000
 WIDE	FF101W Cầu chì Fuse 220VAC-10A	13.000	 NEW	NPA10050V Hộp nối dây 100x100x50 Wiring 100x100x50	17.000
 WIDE	FDF603W/FDL603W Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/ độ sáng đèn Dimmer for fan/lamp 220VAC-700W	50.000	 NEW	NPA12050V Hộp nối dây 120x120x50 Wiring 120x120x50	24.000
 WIDE	FDL903W Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn Dimmer for incandescent lamp 220V-1000W	70.000	 NEW	NPA20065V Hộp nối dây 200 x 200 x 65 Wiring 200 x 200 x 65	33.000
 WIDE	FWW2500 Đầu cốt	3.000		WB9601CW Mép dây dùng cho hộp âm nhựa (có kèm vít) Wiring box lid - 1 gang	4.500
				WB9602CW Mép dây dùng cho hộp âm nhựa (có kèm vít) Wiring box lid - 2 gang	4.500
				FT901W Mặt kính đôi Double cover plate (white)	26.000

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

	- Loại hàng ngày (24 giờ) - 190-240VAC, 50-60Hz, 30A - 4 chế độ cài giờ (2 bất - 2 tất) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút - Có pin dự trữ 5 năm - 4 operations, min setting time 1 min - 5 year reserve battery	1.500.000		- Loại hàng tuần - 190-240VAC, 50-60Hz, 30A - 16 chế độ cài giờ (8 bất - 8 tất) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút - Có pin dự trữ 5 năm - 16 operations, min setting time 1 min - 5 year reserve battery	1.500.000
	- SPST Type - 220-240VAC, 50Hz, 15A - 6 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 30 phút - Không có pin dự trữ - 6 operations, min time set up 30 minutes - W/o battery.	670.000		- SPST Type - 220-240VAC, 20A - 6 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 30 phút - Có pin dự trữ 500 giờ - 6 operations, min setting time set up 30 minutes, - C/w battery 500 hours	1.070.000
	- SPST Type - 220-240VAC, 50Hz, 20A - 96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút - Không có pin dự trữ - 96 operations, min time set up 15 minutes - W/o battery.	800.000		- SPST Type - 220-240VAC, 15A - 96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút - Có pin dự trữ 300 giờ - 96 operations, min time set up 15 minutes, - C/w battery 300 hours	1.200.000
	- Loại DIN module - gắn thanh DIN - 220 - 240VAC 50/60Hz - 16A - Thời gian cài đặt tối thiểu: 15 phút - Pin dự trữ 300 giờ - 96 operations, min setting time 15 mins - 300 hours reserved battery	1.140.000		- Công tắc quang điện - Photoelectric EE switch - 230V - 3A - (Chạy bằng ánh sáng) - Tự động bật khi trời tối, - Tắt khi trời sáng)	377.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP

	WK2315K - 125V - 15A - 2P+ Ground WK2320K - 250V - 20A - 3P	176.000 210.000		WN5513/ WN5514 Mặt nhôm 81 mm, đường kính 35.5 / 45.5mm 1 gang - 1 device aluminum plate 35.5 dia / 45.3 dia	86.000
	WK2420K - 250V - 20A - 3P+ Ground WK2430 - 250V - 30A - 3P+ Ground	325.000 690.000		WN37008 Đại kim Đại Metal - Frame	13.600
	WK1330 Ổ cắm chuyên dùng Surface mounting receptacle 30A -250V - 3P	447.000		WN3040K-3 Trạm nối đất Grounding - terminal	90.000
	WF2315WK - 125V - 15A - 2P+ Ground WF2320WK - 250V - 20A - 3P WF2330B - 250V - 30A - 2P+ Ground WF2520B - 250V - 20A - 2P+ Ground	152.000 192.000 475.000 285.000		WF6315 - 125V - 15A - 2P+ Ground WF6320 - 250V - 20A - 3P WF6330 - 250V - 30A - 2P+ Ground Phích cắm Locking / Locking Plug	109.000 180.000 448.000
	WF2420BK - 250V - 20A - 3P+ Ground WF2430B - 250V - 30A - 3P+ Ground WF2420WK - 250V - 20A - 3P+ Ground	304.000 610.000 304.000		WF6430 - 250V - 20A - 3P+ Ground WF6430 - 250V - 30A - 3P+ Ground Phích cắm Locking/ Locking Plug	210.000 480.000
	Ổ cắm locking kín bụi Weatherproof locking receptacle WK6330 - 250V - 30A - 2P+ Ground WK6430 - 250V - 30A - 3P+ Ground	922.000 1.100.000		WF4330 Phích cắm kín nước Rubber plug 250V - 30A - 3P	631.000
	WN1518R Ổ cắm đôi có dây nối đất Grounding flat pin receptacle 125V - 15A	263.000		MEIKOSHA ME2592W Phích cắm 3 chấu Grounding Plug 150V-15A	87.000

CẤU ĐẠO TỰ ĐỘNG DINH-TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH-MCB
MCB BD-63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD-125:IEC 60947-2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB01061CA	06		
	BB01101CA	10		
	BB01161CA	16		
	BB01201CA	20	240VAC 06kA	88.000
	BB01251CA	25		
	BB01321CA	32		
	BB01401CA	40		
	BB01501CA	50		210.000
	BB01631CA	63		
	BB010801C	80	230VAC 10kA	690.000
	BB011001C	100		760.000

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB03063CA	06		
	BB03103CA	10		
	BB03163CA	16		
	BB03203CA	20		454.000
	BB03253CA	25	415VAC 06kA	
	BB03323CA	32		
	BB03403CA	40		
	BB03503CA	50		678.000
	BB03633CA	63		
	BB030803C	80	400VAC 10kA	1.820.000
	BB031003C	100		1.920.000

MCB 02 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB02062CA	06		
	BB02102CA	10		
	BB02162CA	16	240VAC 10kA	257.000
	BB02202CA	20		
	BB02252CA	25		
	BB02322CA	32	415VAC 06kA	
	BB02402CA	40		
	BB02502CA	50		424.000
	BB02632CA	63		
	BB020802C	80	400VAC 10kA	1.370.000
	BB021002C	100		1.500.000

MCB 04 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB04064CA	06		
	BB04104CA	10		
	BB04164CA	16		
	BB04204CA	20		638.000
	BB04254CA	25	415VAC 06kA	
	BB04324CA	32		
	BB04404CA	40		
	BB04504CA	50		954.000
	BB04634CA	63		
	BB040804C	80	400VAC 10kA	2.820.000
	BB041004C	100		3.020.000

RESIDUAL CIRCUIT BREAKER OVERCURRENT RCBO BẢO VỆ CHỐNG
DÒNG RỎ & QUÁ TẢI / 02 P - C CURVE, RCBO BDE-40, 63:IEC 60109 STANDARDS

Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (mA)	I _{cs} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
BB0E20631CA	06			642.000
BB0E21631CA	16			598.000
BB0E22031CA	20	30	06	652.000
BB0E23231CA	32			627.000
BB0E24031CA	40			915.000
BB0E25031CA	50			
BB0E26331CA	63			

HỘP ÂM Nano

FBD200	Hộp âm cho CB kép Wiring box for MCB	21.000
FBD101W	Mặt dùng cho 1CB kép Plate for 1p MCB	14.700

MẶT DÙNG CHO CB TẾP

WZV8001W	Mặt góc bo dùng cho 1P MCB Plate for 1P MCB	14.700
WZV8002W	Mặt góc bo dùng cho 2P MCB Plate for 2P MCB	14.700
WEG680290MB	Mặt góc dùng riêng cho WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB 1 gang - 1 device color plate for WEV1181/ WEV1191/2P MCB only	23.000
WEG680290MW	Mặt dùng riêng cho WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB 1 gang - 1 device color plate for WEV1181/ WEV1191/2P MCB only	23.000
WEG65029-1	Mặt dây kim loại bằng nhôm dùng riêng cho WEV1181/ WEV1191/2P MCB 1 device metal plate for WEV1181/ WEV1191/ 2P MCB only	70.000

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM NEW

CẤU ĐẠO TỰ ĐỘNG DINH-TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH-MCB
MCB BD-63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD-125:IEC 60947-2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB01061CV	06		
	BB01101CV	10		
	BB01161CV	16		
	BB01201CV	20	240VAC 6kA	80.000
	BB01251CV	25		
	BB01321CV	32		
	BB01401CV	40		
	BB01501CV	50		190.000
	BB01631CV	63		

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB03063CV	06		
	BB03103CV	10		
	BB03163CV	16		
	BB03203CV	20		412.000
	BB03253CV	25	415VAC 06kA	
	BB03323CV	32		
	BB03403CV	40		
	BB03503CV	50		616.000
	BB03633CV	63		

MCB 02 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB02062CV	06		
	BB02102CV	10		
	BB02162CV	16	240VAC 10kA	233.000
	BB02202CV	20		
	BB02252CV	25		
	BB02322CV	32	415VAC 06kA	
	BB02402CV	40		
	BB02502CV	50		385.000
	BB02632CV	63		

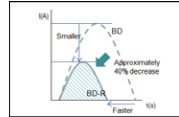
MCB 04 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BB04064CV	06		
	BB04104CV	10		
	BB04164CV	16		
	BB04204CV	20		580.000
	BB04254CV	25	415VAC 06kA	
	BB04324CV	32		
	BB04404CV	40		
	BB04504CV	50		867.000
	BB04634CV	63		

RESIDUAL CIRCUIT BREAKER OVERCURRENT RCBO BẢO VỆ CHỐNG
DÒNG RỎ & QUÁ TẢI / 02 P - C CURVE, RCBO BDE-40, 63:IEC 60109 STANDARDS

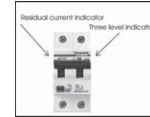
Mã số Code	I _n (A)	I _{cs} (mA)	I _{cs} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
BB0E20631CV	06			587.000
BB0E21631CV	16			550.000
BB0E22031CV	20	30	06	598.000
BB0E23231CV	32			578.000
BB0E24031CV	40			840.000
BB0E25031CV	50			
BB0E26331CV	63			

ƯU ĐIỂM DÒNG SẢN PHẨM DIN SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

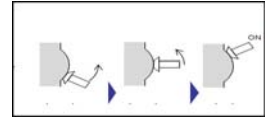
1. Trong trường hợp ngắn mạch, thời gian ngắt điện nhanh hơn, giúp giảm tối đa việc ảnh hưởng tới dây và thiết bị (Hình 1)
2. Dòng điện ổn định chạy qua chỉ khi tiếp điểm đóng đủ áp lực điều này giúp thiết bị ổn định và có tuổi thọ cao (Hình 2)
3. Có 3 mức cảnh báo về tình trạng đóng, ngắt và ngắn mạch giúp người sử dụng xác định các lỗi do mạch điện (Hình 3)



Hình 1



Hình 2



Hình 3

CẤU ĐẠO ĐÓNG NGẮT MẠCH ĐIỆN TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - Molded Case Circuit Breaker - MCCB
IEC 60947-2 Standards

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications		Đơn giá Price (VND)	
		Dòng định mức I _n (A)	Dòng cắt danh định I _{cs} (kA)		
MCCB 02 P - GD Series					
	BBW240SKY	40	10	2.5	935.000
	BBW250SKY	50	10	2.5	
DIN rail mounting (Gắn trên thanh ray)					
	BBW260DY	60	5	2.5	996.000
	BBW275SKY	75	50	25	
	BBW2100SKY	100			

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications		Đơn giá Price (VND)	
		Dòng định mức I _n (A)	Dòng cắt danh định I _{cs} (kA)		
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW310Y	10	2.5	1.5	725.000
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			1.186.000
	BBW340SKY	40	10	2.5	
	BBW350SKY	50			
	BBW360SKY	60	10	2.5	1.195.000
	BBW375SKY	75			
	BBW3100SKY	100	50	25	
	BBW3125SKY	125			3.040.000
BBW3150SKY	150			25	

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications		Đơn giá Price (VND)	
		Dòng định mức I _n (A)	Dòng cắt danh định I _{cs} (kA)		
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW3175KY	175	50	25	4.226.000
	BBW3200KY	200			
	BBW325KY	250	50	25	6.710.000
	BBW3400KY	400	50	25	

BỘ NGẮT MẠCH AN TOÀN HB-02P& ELB BẢO VỆ DÒNG RÒ-02P
Safety Breaker & Earth Leakage Breaker
JIS Standards

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)		
	BS11106TV	6	1.0	
	BS11107TV	10	1.5	
	BS11111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	
	BJS30288A2	I _n (A)	I _{cs} (kA)	317.000
	BJS30388A2	30	1.5	
		30	1.5	

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)		
	BJS30288A2	I _n (A)	I _{cs} (kA)	317.000
	BJS30388A2	30	1.5	
		30	1.5	

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)		
	BJJ23038-8	I _n (A)	I _{cs} (kA)	758.000
		30	2.5	
		30	2.5	

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)		
	BJJ23022-8	I _n (A)	I _{cs} (kA)	886.000
	BJJ23032-8	30	1.5	
		30	1.5	

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)		
	BKW2503Y	I _n (A)	I _{cs} (kA)	1.620.000
		50	30	
		50	30	

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)		
	BKW2603SKY	I _n (A)	I _{cs} (kA)	2.400.000
		60	30	
		60	30	

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)		
	BKW21003KY	I _n (A)	I _{cs} (kA)	3.300.000
		100	30	
		100	30	

MẶT VÀ ĐAI SẮT DÙNG CHO HB, BJJ

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)
	WZV8061W (WZG8061W) Mặt góc bo dùng cho HB Tặng - 1 device plate for HB only	14.700
	FB901W Mặt góc vuông dùng cho HB Tặng - 1 device plate for HB only	14.700
	FS80 Đai sắt dùng cho HB (dùng cho FB901W) Frame for HB	12.500
	FHB9801 Hộp nối dùng cho HB Mounting surface plate for HB	6.500
	FB902 Mặt che cầu dao chống dòng rò BJJ Plate for BJJ breaker only	26.000
	FB802 Đai cầu dao chống dòng rò BJJ (dùng cho FB902) Frame for earth leakage breaker (BJJ type)	25.000
	FB500 Hộp cho cầu dao tổng & cầu dao chống dòng rò Distribution Panel for HB, BJJ, BJS, MCCB (180 x 110 x 50)	125.000
	FB0401 Hộp phân phối 4 nhánh cho cầu dao tập Distribution Panel for MCD (180 x 110 x 50)	125.000

TỦ ĐIỆN

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)
	FDP102 Tủ điện vỏ kim loại chứa 2 module FDP103 Tủ điện vỏ kim loại chứa 3 module FDP104 Tủ điện vỏ kim loại chứa 4 module (200 x 125 x 58)	145.000
	FDP106 Tủ điện vỏ kim loại chứa 6 module (200 x 198 x 58)	220.000
	FDP109 Tủ điện vỏ kim loại chứa 9 module (200 x 265 x 58)	300.000
	FDP113 Tủ điện vỏ kim loại chứa 13 module (200 x 338 x 58)	380.000
	FDP118 Tủ điện vỏ kim loại chứa 18 module (385 x 285 x 58)	655.000
	FDP124 Tủ điện vỏ kim loại chứa 24 module (400 x 325 x 58)	880.000
	FDP126 Tủ điện vỏ kim loại chứa 26 module (385 x 340 x 58)	1.050.000
	FB0601 Hộp phân phối 4 - 6 nhánh cho cầu dao tập Distribution Panel for MCD (160 x 200 x 65)	260.000
	FB0801 Hộp phân phối 8 - 12 nhánh cho cầu dao tập (160 x 295 x 65)	440.000

nanoco ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)
	Ống luồn dây PVC chống cháy, chống chuột PVC fireproof metal free - rodent breaker FRG16W - 16mm (50m/cuộn)	140.000
	FRG20W - 20mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG25WS - 25mm (40m/cuộn)	200.000
	FRG32WH - 32mm (25m/cuộn)	250.000
	Ống luồn dây PVC chống cháy, chống chuột PVC fireproof metal free - rodent breaker FRG16G - 16mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG20G - 20mm (50m/cuộn)	240.000
	FRG25GS - 25mm (40m/cuộn)	265.000
	FRG32GH - 32mm (25m/cuộn)	260.000

nanoco ĐÈN LED FLOODLIGHT - IP65 - TUỔI THỌ 30.000 GIỜ

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions	Đơn giá Price (VND)
	Lumen 2100, Kích thước 215 x 175 x 71 mm ZY518-LED30T Ánh sáng trắng 5700K - 30W ZY518-LED30V Ánh sáng vàng 3000K - 30W	1.400.000
	Lumen 3500, Kích thước 215 x 175 x 71 mm ZY518-LED50T Ánh sáng trắng 5700K - 50W ZY518-LED50V Ánh sáng vàng 3000K - 50W	2.200.000
	Lumen 7000, Kích thước 325 x 263 x 85 mm ZY518-LED100T Ánh sáng trắng 5700K - 100W ZY518-LED100V Ánh sáng vàng 3000K - 100W	4.500.000
	Lumen 8400, Kích thước 325 x 263 x 85 mm ZY518-LED120T Ánh sáng trắng 5700K - 120W ZY518-LED120V Ánh sáng vàng 3000K - 120W	5.400.000

Công nghệ Italian TCVN417 - 1: 2010 IEC61386 - 1: 2008 Sản Phẩm Đạt Tiêu Chuẩn: BS EN 61386 - 21 : 2004 (IEC61386 - 21 : 2002)

Ống luồn dây điện

Mã số	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Đơn giá
FPC16	Ống luồn dây điện PVC phi 16 dài 2,92m	1,4 ± 0,1	19.000
FPC20	Ống luồn dây điện PVC phi 20 dài 2,92m	1,6 ± 0,1	25.000
FPC25	Ống luồn dây điện PVC phi 25 dài 2,92m	1,85 ± 0,1	37.000
FPC32	Ống luồn dây điện PVC phi 32 dài 2,92m	2,2 ± 0,1	59.000
FPC40	Ống luồn dây điện PVC phi 40 dài 2,92m	2,3 ± 0,1	80.000
FPC50	Ống luồn dây điện PVC phi 50 dài 2,92m	2,5 ± 0,1	125.000
FPC16H	Ống luồn dây điện loại Heavy phi 16mm 2,92m 1250N	1,6 ± 0,1	25.000
FPC20H	Ống luồn dây điện loại Heavy phi 20mm 2,92m 1250N	2,0 ± 0,1	33.000
FPC25H	Ống luồn dây điện loại Heavy phi 25mm 2,92m 1250N	2,2 ± 0,1	47.000
FPC32H	Ống luồn dây điện loại Heavy phi 32mm 2,92m 1250N	2,5 ± 0,1	95.000

Khớp nối tròn

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA0116	Khớp nối tròn phi 16	700
NPA0120	Khớp nối tròn phi 20	1.000
NPA0125	Khớp nối tròn phi 25	1.600
NPA0132	Khớp nối tròn phi 32	3.000
FPA0140	Khớp nối tròn phi 40	6.000
FPA0150	Khớp nối tròn phi 50	8.000

Đầu và khớp nối ren

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA02162	Đầu và khớp nối ren phi 16	1.400
NPA02202	Đầu và khớp nối ren phi 20	1.700
NPA02252	Đầu và khớp nối ren phi 25	2.200
NPA02322	Đầu và khớp nối ren phi 32	4.500

Đầu nối ống mềm PVC

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC phi 16	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC phi 20	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC phi 25	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC phi 32	27.000

Kẹp đỡ ống

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA1616	Kẹp đỡ ống phi 16	600
NPA1620	Kẹp đỡ ống phi 20	1.000
NPA1625	Kẹp đỡ ống phi 25	1.700
NPA1632	Kẹp đỡ ống phi 32	3.500
FPA1640	Kẹp đỡ ống phi 40	3.500

Đầu giảm

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16	1.000
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20	1.700
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25	2.800
FPA032	Đầu giảm 40 - 32	6.800
FPA040	Đầu giảm 50 - 40	8.800

Lò xo uốn ống

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
FLXU016	Lò xo uốn ống phi 16	58.000
FLXU020	Lò xo uốn ống phi 20	72.000
FLXU025	Lò xo uốn ống phi 25	85.000
FLXU032	Lò xo uốn ống phi 32	122.000

nanoco BĂNG KEO ĐIỆN

Băng keo điện PVC (10 cuộn)

PVC insulating tape

FKP10 - Loại 10 yards / cuộn **68.000/cty**

FKP20 - Loại 20 yards / cuộn **118.000/cty**

Hộp nối 1 ngã

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã phi 16	6.000
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã phi 20	6.500
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã phi 25	7.000

Hộp nối 2 ngã vuông

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông phi 16	6.000
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông phi 20	6.500
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông phi 25	7.000

Hộp nối 3 ngã

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông phi 16	6.000
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông phi 20	6.500
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông phi 25	7.000

Hộp nối 4 ngã

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã phi 16	6.000
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã phi 20	6.500
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã phi 25	7.000

Nắp đậy hộp nối tròn

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít	1.500

Co nối có nắp

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
FPA0320C	Co có nắp phi 20	4.000
FPA0325C	Co có nắp phi 25	6.500
FPA0332C	Co có nắp phi 32	10.000

T nối có nắp

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
FPA0420C	Tả có nắp phi 20	6.000
FPA0425C	Tả có nắp phi 25	9.000
FPA0432C	Tả có nắp phi 32	12.000

Co nối

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
FPA0316	Co cho ống phi 16	1.200
FPA0320	Co cho ống phi 20	2.500
FPA0325	Co cho ống phi 25	3.800
FPA0332	Co cho ống phi 32	5.500
FPA0340	Co cho ống phi 40	8.000
FPA0350	Co cho ống phi 50	10.500

T nối

Mã số	Đường kính (mm)	Đơn giá
FPA0416	Tả cho ống phi 16	1.700
FPA0420	Tả cho ống phi 20	3.300
FPA0425	Tả cho ống phi 25	5.000
FPA0432	Tả cho ống phi 32	7.000
FPA0440	Tả cho ống phi 40	9.000
FPA0450	Tả cho ống phi 50	11.000

nanoco MÁNG ĐÈN BATTEN - Không kèm bóng

	Máng đèn Batten đơn 0.6m NLA21-M 615 x 55 x 80mm 168.000		Máng đèn Batten đôi 1.2m NLA42-M 1227 x 100 x 85mm 295.000
	Máng đèn Batten đơn 1.2m NLA41-M 1227 x 55 x 80mm 195.000		FSN-T (Màu cam) Starter 4.700

nanoco MÁNG ĐÈN CHỐNG THẨM - IP65

SỬ DỤNG BALLAST ĐIỆN TỬ * Đã bao gồm Ballast

	Loại 1 bóng 1.2m (1x 36W) 1270mm x 98mm x 102mm 530.000		Loại 1 bóng 0.6m (1x 18W) 665mm x 88mm x 102mm 370.000
	Loại 2 bóng 1.2m (2x 36W) 1270mm x 155mm x 102mm 770.000		Loại 2 bóng 0.6m (2x 18W) 665mm x 155mm x 102mm 530.000

nanoco BÓNG ĐÈN HUYNH QUANG T5, T8, T9

Sản xuất tại Thái Lan

	F14T5-V (Ánh sáng vàng 2700K) Công suất 14W 220-240V Đường kính 16mm Dài 563mm 36.000		F28T5-V (Ánh sáng vàng 2700K) Công suất 28W 220-240V Đường kính 16mm Dài 1163mm 49.000
	F14T5-T (Ánh sáng trắng 6500K) Công suất 14W 220-240V Đường kính 16mm Dài 563mm 36.000		F28T5-T (Ánh sáng trắng 6500K) Công suất 28W 220-240V Đường kính 16mm Dài 1163mm 49.000
	F22T9-T (Ánh sáng trắng 6500K) Công suất 22W 10.000 giờ 48.000		N18T8 Tuổi thọ 22.000 giờ Bóng đèn T8 - Dài 0.6 m Công suất 18W 220 - 240V 17.000
	F32T9-T (Ánh sáng trắng 6500K) Công suất 32W 10.000 giờ 42.000		N36T8 Tuổi thọ 22.000 giờ Bóng đèn T8 - Dài 1.2m Công suất 36W 220 - 240V 23.000

nanoco ĐÈN SẠC

	SQT560 (Màu trắng)- Nanoco Đèn sạc - loại 0.6m Sử dụng bóng 20W Thời gian sử dụng (khi sạc đầy): 4 giờ 560.000		SQT720 (Màu đen)- Nanoco Đèn sạc - tự động tắt sáng khi cúp điện Sử dụng bóng 11W Thời gian sử dụng (khi sạc đầy): 4.5 giờ Dùng vật liệu chống va đập 610.000
	SQT712 (Màu đỏ)- Nanoco Đèn sạc - tự động tắt sáng khi cúp điện Sử dụng bóng T8 11W Thời gian sử dụng (khi sạc đầy): 4 giờ 360.000		SQT711 (Màu đỏ)- Nanoco Đèn sạc - tự động tắt sáng khi cúp điện Sử dụng bóng 6W Tuổi thọ đèn khi sạc đầy Thời gian sử dụng (khi sạc đầy): 1 bóng: 8 giờ - 2 bóng: 5 giờ 420.000

MÁNG ĐÈN SIÊU MỎNG - Không kèm bóng

	FLB-4208B-00/WW Sử dụng Ballast FSM36-1 335.000		FLB-2108/0/W Sử dụng Ballast FSM18-1 170.000
	FLC-420B Sử dụng Ballast FSM36-2 240.000		FLC-210B Sử dụng Ballast FSM18-2 135.000
	FLD-420B Sử dụng Ballast điện tử 240.000		FLD-210B Sử dụng Ballast điện tử 135.000
	FLB-4108/0/W Sử dụng Ballast FSM36-1 195.000		FLC-410B Sử dụng Ballast FSM36-2 155.000
	FLD-410B Sử dụng Ballast điện tử 155.000		

BALLAST

	FSM18/FSM36 220V-50Hz Ballast siêu mỏng, Bảo hành 5 năm 72.000		FEL18 Ballast điện tử 18W 50.000
	FSM18-2/FSM36-2 220V-50Hz Ballast siêu mỏng, Bảo hành 2 năm 49.000		FEL36 Ballast điện tử 36W 51.000
	FBL18/FBL36 220V-50Hz Bảo hành 5 năm 70.000		
	FBL18-2/FBL36-2 220V-50Hz Bảo hành 2 năm 47.000		

LED DOWNLIGHT - 40.000 giờ

Công suất 6.9W, điện thế 220V
Viên trắng, ø100
NMP71222 Ánh sáng trắng - 6700K
NMP71223 Ánh sáng vàng - 2700K **650.000**

LED DOWNLIGHT 8.3W - 4 bóng LED - 40.000 giờ

Viên bạc / chóa bạc / ánh sáng trắng
Điện thế: 220V - 240V, Công suất: 8.3W
ø100 NMP71202 **950.000**
ø150 NMP71402

Viên bạc / chóa bạc / ánh sáng vàng
ø100 NMP71203 **950.000**
ø150 NMP71403

LED DOWNLIGHT 14W - 9 bóng LED - 40.000 giờ

Viên trắng, Điện thế 220V - 240V, Công suất 14 W
ø150 NMP72453 **950.000**

DOWNLIGHT BÓNG LẮP ĐỨNG

Viên trắng / chóa bạc
ø100 NLP72211 **114.000**
ø125 NLP72317 **134.000**
ø150 NLP72417 **154.000**

Viên bạc bóng / chóa bạc
ø100 NLP72230 **199.000**
ø125 NLP72330 **226.000**
ø150 NLP72430 **262.000**

Viên trắng / chóa bạc / kính trong
ø125 NLP72392 **228.000**
ø150 NLP72492 **248.000**

DOWNLIGHT TRÒN LẮP NỔI

Viên / thân nhựa Acrylic trắng đục
ø145 NLP72305 **355.000**

DOWNLIGHT BÓNG LẮP NGANG

Viên trắng / chóa bạc bóng
ø125 NLP72381 **142.000**
ø150 NLP72481 **188.000**
ø150 NLP74422 **243.000**
(Có thể gắn 2 bóng Compact, tối đa 18W mỗi bóng)

Nano DOWNLIGHT
FLN01031 Chóa văn carô xiên Ø90 **70.000**
FLN11031 Chóa văn carô xiên Ø125 **110.000**

LED LẮP NỔI - 40.000 giờ

Thích hợp lắp nổi trên tường và trần
Công suất 6.9W, điện thế 220V
NMP51200 Ánh sáng trắng - 6700K
NMP51201 Ánh sáng vàng - 2700K **780.000**

Viên trắng / chóa trắng / ánh sáng trắng
Điện thế: 220V - 240V, Công suất: 8.3W
ø100 NMP71204 **950.000**

CHUỖI ĐÈN LẮP NỔI - Đuôi 27

Thích hợp với các loại bóng E27
(Bóng LED E27, bóng Compact E27)
Chiều cao: 70mm, ø100 NLP52200 **37.000**

Viên trắng / chóa bạc bóng
ø125 NLP72324 **195.000**
ø150 NLP72426 **232.000**

Viên bạc / chóa bạc bóng
ø125 NLP72342 **265.000**
ø150 NLP72443 **310.000**

Viên trắng / chóa bạc / kính văn caro
ø125 NLP72390 **235.000**
ø150 NLP72493 **255.000**

Viên / thân nhựa Acrylic đen
ø145 NLP72386 **355.000**

Viên bạc / chóa bạc bóng
ø125 NLP72340 **220.000**
ø150 NLP72440 **260.000**

LED DOWNLIGHT ONE-CORE - sử dụng công nghệ 1 lõi LED, tiết kiệm điện, 40.000 giờ

Down Light LED tường - CR: Ra80
Công suất 5.5W-220V, ø100/H80
HH-LD05001K19-343mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD05001K19-364mm- Ánh sáng trắng 6500K **950.000**

Down Light LED góc chiếu hẹp (góc chiếu 24°) - CR: Ra80
Công suất 5.5W-220V, ø100/H80
HH-LD05001K19-370mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD05001K19-325mm- Ánh sáng trắng 6500K
Công suất 8.0W-220V, ø100/H80
HH-LD07001K19-370mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD07001K19-340mm- Ánh sáng trắng 6500K **1.100.000**

Down Light LED chống ẩm - P43 - CR: Ra80
HH-LD05001K19-343mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD05001K19-364mm- Ánh sáng trắng 6500K
Công suất 8.0W-220V, ø100/H80
HH-LD07001K19-350mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD07001K19-363mm- Ánh sáng trắng 6500K **1.100.000**

Downlight công suất lớn - CR: Ra80
Công suất lớn 15W, ø150
HH-LD08001K19 - 1840mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD08001K19 - 1900mm- Ánh sáng trắng 6500K **1.380.000**

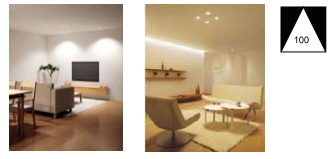
Downlight thường góc chiếu 100 độ - CR: Ra80
Công suất 5.5W-220V, ø100/H80
HH-LD05001K19-343mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD05001K19-364mm- Ánh sáng trắng 6500K
Công suất 8.0W-220V, ø100/H80
HH-LD07001K19-350mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD07001K19-363mm- Ánh sáng trắng 6500K **730.000**

Downlight thường góc chiếu 100 độ - CR: Ra80
Công suất 5.5W-220V, ø100
HH-LD06001K19 -343mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD06001K19 -370mm- Ánh sáng trắng 6500K
Công suất 8.0W, đèn thế 220V, ø100
HH-LD08001K19 -350mm- Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD08001K19 -350mm- Ánh sáng trắng 6500K **690.000**

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA DOWNLIGHT THƯỜNG VÀ DOWNLIGHT GÓC CHIẾU HẸP

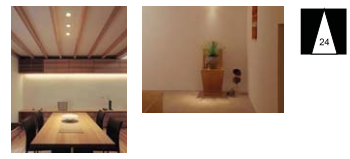
DOWNLIGHT THƯỜNG

- Góc chiếu 100 độ.
- Ánh sáng có xu hướng mở rộng và đều.
- Phù hợp để thấp sáng cho khu vực rộng lớn như phòng khách...



DOWNLIGHT GÓC CHIẾU HẸP

- Góc chiếu 24 độ.
- Ánh sáng không tỏa rộng mà được chiếu thẳng xuống.
- Ánh sáng có xu hướng tập trung, phù hợp để thấp sáng cho những khu vực cần chi tiết như bàn làm việc, bàn ăn, chiếu vào vật trang trí.



ĐÈN TRẦN LED

HH-LA154019 (Ánh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)
Công suất 19W
Đèn trần LED KIDS trang trí trắng & xanh
ø400mm H85mm - CR: Ra85 **2.900.000**

HH-LA100719 (Ánh sáng trắng 6500K)
- Công suất 15W - 56.6lm/W - CR: Ra80
- Đường kính 434mm/Cao 80mm/Nặng 0.75kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic
- Viên màu xanh dương gọn sáng **2.320.000**

HH-LA154319 (Ánh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)
Công suất 19W
Đèn trần LED KIDS trang trí trắng & hồng
ø400mm H85mm - CR: Ra85 **2.900.000**

HH-LA101019 (Ánh sáng trắng 6500K)
- Công suất 15W - 56.6lm/W - CR: Ra80
- Đường kính 416mm/Cao 80mm/Nặng 0.75kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic
- Viên màu xanh da trời tai mèo **2.320.000**

HH-LA153819 (Ánh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)
Công suất 19W
Đèn trần LED KIDS trang trí trắng & xanh
ø400mm H85mm - CR: Ra85 **2.900.000**

HH-LA101119 (Ánh sáng trắng 6500K)
- Công suất 15W - 56.6lm/W - CR: Ra80
- Đường kính 416mm/Cao 80mm/Nặng 0.75kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic
- Viên màu hồng phấn tai mèo **2.320.000**

HH-LA154119 (Ánh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)
Công suất 19W
Đèn trần LED KIDS trang trí trắng & hồng
ø400mm H85mm - CR: Ra85 **2.900.000**

HH-LA101219 (Ánh sáng trắng 6500K)
- Công suất 15W - 56.6lm/W - CR: Ra80
- Đường kính 416mm/Cao 80mm/Nặng 0.75kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic
- Viên màu vàng nhạt tai mèo **2.320.000**

ĐÈN TRẦN LED ĐA NĂNG (SCENE)

ĐÈN TRẦN LED BẢO THỨC (ASSA)



HH-LAZ502288
 Công suất 70W/0.37A/AC220-240V
 Kích thước: Ø600/ H160/ 3.1kg
 Quang hiệu: 80lm/W, CRI: Ra85
 Kèm remote đổi màu (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng
 Chế độ trung tâm 5000lm / Chế độ giảm sáng 600lm Chế độ đêm 200lm
 Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)

16.300.000



HH-LAZ303488
 Công suất 47W/0.22A/ AC220-240V
 Kích thước: Ø620/ H130/ 3.1kg
 Quang hiệu: 74.2lm/W, CRI: Ra85
 Kèm remote đổi màu (100% - 5%), đổi màu ánh sáng vàng
 Bảo thủ sáng ánh sáng & chuông reo
 Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - Bình thường - Đèn ngủ)

9.900.000



HH-LA157888
 (Ảnh sáng trắng 6500K)
HH-LA157788
 Đèn LED loại trung 21W, C640/ H120, 2.2kg
 Đèn LED loại trung 21W, C16A/ AC220-240V, CRI: Ra85
 Công suất 21W/0.16A/ AC220-240V, CRI: Ra85

3.300.000

ĐÈN TRẦN LED CỖ TRUNG - Tuổi thọ 40,000 giờ



Đèn trần LED loại trung, khung viền nhôm 19W
 AC220-240V, Ø400mm / H96mm / 1.25kg, CRI: Ra85
HH-LA152519
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)
HH-LA152519
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)

3.050.000



Đèn trần LED loại trung, khung viền bạc 19W
 AC220-240V, Ø400mm / H96mm / 1.25kg, CRI: Ra85
HH-LA152519
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)
HH-LA152519
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)

3.050.000



Đèn trần LED loại trung, khung viền chrome 19W
 AC220-240V, Ø400mm / H96mm / 1.25kg, CRI: Ra85
HH-LA153119
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)
HH-LA153119
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)

3.050.000



Đèn LED cỡ nhỏ 15W-AC220-240V, Ø357mm/ H80mm
 Chụp đèn nhựa Acrylic, viền nhôm
HH-LA150519
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 66.7lm/W)
HH-LA150519
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 67.8lm/W)

2.180.000



Đèn LED cỡ nhỏ 15W-AC220-240V, Ø357mm/ H80mm
 Chụp đèn nhựa Acrylic, viền nhôm
HH-LA150519
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 66.7lm/W)
HH-LA150519
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 66.7lm/W)

2.180.000



Đèn LED cỡ nhỏ 15W-AC220-240V, Ø350mm/ H80mm
 Chụp đèn nhựa Acrylic
HH-LA150819
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 66.7lm/W)
HH-LA150819
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 66.7lm/W)

1.820.000



Đèn LED cỡ trung 15W-AC220-240V, Ø434mm/ H96mm
HH-LA151519
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)
HH-LA151519
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)

2.540.000



Đèn LED cỡ trung 15W-AC220-240V, Ø434mm/ H96mm
HH-LA151519
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)
HH-LA151519
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)

2.540.000



Đèn LED cỡ trung 19W-AC220-240V, Ø430mm/ H96mm
HH-LA150919
 (Ảnh sáng trắng 6500K - 84.2lm/W)
HH-LA150919
 (Ảnh sáng vàng 2700K - 72.6lm/W)

2.320.000

ĐÈN CHÙM LED



HH-LAZ300219
 Công suất 47.2W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính 660mm/ Dày 95mm/ Trọng lượng 7.0kg
 Chụp đèn Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Chế độ Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Kèm Remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Quang hiệu: 74.2 lm/W (3500lm/ 47.2W)

11.600.000



HH-LAZ300319
 Công suất 47.2W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính 660mm/ Dày 200mm/ Trọng lượng 8.7kg
 Chụp đèn Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Chế độ Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Kèm Remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Quang hiệu: 74.2 lm/W (3500lm/ 47.2W)

15.990.000



HH-LAZ501219
 Công suất 66W/0.3A/ AC220-240V
 Kích thước vòng 400mm/ Cao 220mm/ Trọng lượng 10.0kg
 Chụp đèn Acrylic (Màu trắng sữa)
 Khung bạc, trang trí giác cắt thủy tinh
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Kèm Remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu: 71.2 lm/W (4700lm 66W/A, CRI: Ra85)

13.100.000

ĐÈN TRẦN LED CỖ LỚN



HH-LAZ502088
 Công suất 66W/0.3A/ AC220-240V
 Kích thước (r) 400mm/ Dày 163mm/ Trọng lượng 5.6kg
 Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa, viền gỗ
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu 73.8 lm/W

12.800.000



HH-LAZ301719
 Công suất 46W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø400mm/ Dày 120mm/ Trọng lượng 3.2kg
 Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường)
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu 76.1lm/W, CRI: Ra85

7.250.000



HH-LAZ301819
 Công suất 46W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø400mm/ Dày 120mm/ Trọng lượng 3.2kg
 Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường)
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu 76.1lm/W, CRI: Ra85

7.250.000



HH-LAZ500819
 Công suất 66W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø366mm/ Dày 163mm/ Trọng lượng 5.2kg
 Chụp đèn Acrylic (Màu trắng sữa)
 Viền bạc trang trí thủy tinh
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu 71.2lm/W, CRI: Ra85

10.500.000



HH-LAZ300419
 Công suất 47.2W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø600mm/ Dày 159mm/ Trọng lượng 5.0kg
 Chụp đèn Acrylic (Màu trắng sữa)
 Khung viền nhôm mạ Crom
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Kèm Remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu: 74.2 lm/W (3500lm/ 47.2W)

8.700.000



HH-LAZ300619
 (Khung viền trắng mạ Crom)
HH-LAZ300519
 (Khung viền bạc mạ Crom)
 Công suất 47.2W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø600mm/ Dày 159mm/ Trọng lượng 5.0kg
 Chụp đèn Acrylic (Màu trắng sữa)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Kèm Remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu: 74.2 lm/W (3500lm/ 47.2W)

8.700.000



HH-LAZ300719
 Công suất 47.2W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø800mm/ Dày 159mm/ Trọng lượng 5.0kg
 Chụp đèn Acrylic (Màu trắng sữa)
 Chụp đèn Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Chế độ Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường - đèn ngủ)
 Kèm Remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu: 74.2 lm/W (3500lm/ 47.2W)

8.700.000



HH-LAZ301519
 Công suất 46W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø600mm/ Dày 120mm/ Trọng lượng 3.2kg
 Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa
 Chụp đèn Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Chế độ Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường)
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu 76.1lm/W, CRI: Ra85

7.250.000



HH-LAZ301619
 Công suất 46W/0.22A/ AC220-240V
 Đường kính Ø600mm/ Dày 120mm/ Trọng lượng 3.2kg
 Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa
 Chụp đèn Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Chế độ Crom và một thủy tinh trang trí giác cắt
 Tuổi thọ nguồn sáng 40,000 giờ (LLMF: 70%)
 Lắp thêm công tắc từ tính có thể điều chỉnh độ sáng
 (Tốt đa - bình thường)
 Kèm remote điều chỉnh độ sáng (100% - 5%), đổi màu
 ánh sáng trắng vàng
 Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
 Quang hiệu 76.1lm/W, CRI: Ra85

7.250.000

ĐÈN CHÙM TRANG TRÍ

<p>HEMC6065K 5.100.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 3 bóng đèn Compact E27 11W/220V (Không kèm bóng) Đường kính 640mm/Cao 320mm/Nặng 4kg Chụp đèn thủy tinh Khung trang trí gỗ sồi, đế bạc 	<p>HEMC6014 6.900.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 4 bóng Compact E27 11W/220V 2 chế độ (72W & 33W) Đường kính 550mm/Cao 275mm/Nặng 6 kg Chụp đèn thủy tinh Khung trang trí mạ Crom 	<p>HMCZ431KE 12.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 24 bóng (12W & 33W) 2 chế độ (12W & 33W) Đường kính 1.222mm/Cao 450mm/Nặng 10 kg Chụp đèn nhám sáng Ppylen màu trắng đục (Viên bạc) Chụp đèn phụ: bằng thủy tinh màu trắng đục Khung đèn được mạ màu bạc Kèm phụ kiện đầy đủ để lắp thiết bị xa Thiết lập sử dụng cho phòng khách 20-40 m² 	<p>HEMC6098K 7.200.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 3 bóng Compact E27 11W/220V Đường kính 600mm/Cao 407mm/Nặng 8,8kg Chụp đèn: thủy tinh màu trắng sữa Khung trang trí mạ vàng kim Kèm phụ kiện Thiết lập sử dụng cho phòng khách và phòng ngủ 20-35 m²
---	---	---	--

ĐÈN TRANG TRÍ LED NHỎ GỌN - lắp tường và lắp trần, tuổi thọ 40.000 giờ, tương đương 60W sợi đốt

<p>HH-LW6010019 950.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W 	<p>HH-LW6010119 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W 	<p>HH-LW6010219 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W 	<p>HH-LW6010319 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W
<p>HH-LW6020019 950.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 140mm/Cao 95mm/Nặng 0,5kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic 	<p>HH-LW6020119 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 178mm/Cao 95mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic Viên vẩn xám kim 	<p>HH-LW6020219 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 178mm/Cao 95mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic Viên vẩn trắng sứ 	<p>HH-LW6020319 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 178mm/Cao 95mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic Viên vẩn trắng nhám
<p>HH-LW6010419 950.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W 	<p>HH-LW6010519 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W 	<p>HH-LW6010619 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W 	<p>HH-LW6010719 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 58,4lm/W
<p>HH-LW6020419 950.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 120mm/Cao 95mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic 	<p>HH-LW6020519 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 168mm/Cao 95mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic Viên vẩn xám kim 	<p>HH-LW6020619 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 168mm/Cao 95mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic Viên vẩn trắng sứ 	<p>HH-LW6020719 1.160.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 54lm/W Công suất 5,5W Đường kính 168mm/Cao 95mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng nhựa trắng đục Acrylic Viên vẩn trắng nhám

ĐÈN LẮP TRẦN KÍN NƯỚC DÙNG CHO NHÀ TẮM

<p>HEAC1006 1.090.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Bóng đèn hợp 1 bóng Compact Panasonic E27 11W/220V (không kèm bóng) Đường kính 207mm/Cao 114mm/Nặng 1,3kg Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa Độ kín nước IP65 Kèm công tắc điện 	<p>HWC652E 1.630.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng huỳnh quang Ánh sáng trắng 7200K 32W/220V (có kèm bóng) Đường kính 382mm/Cao 115mm/Nặng 1,3kg Chụp đèn Acrylic màu trắng sữa Độ kín nước IP65 Kèm công tắc điện 	<p>HH-LA102588 3.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - CRI Ra85 Đèn LED lắp trần/ tường kín nước IP44 Chứa trang trí đèn 15W - 46lm/W, 4265H106 	<p>HH-LA102888 3.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - CRI Ra85 Đèn LED lắp trần/ tường kín nước IP44 Chứa trang trí đèn 15W - 41,3lm/W, 4265H106
<p>HH-LA102788 3.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - CRI Ra85 Đèn LED lắp trần/ tường kín nước IP44 Chứa trang trí đèn 15W - 57,2lm/W, 4265H106 	<p>HH-LA103088 3.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - CRI Ra85 Đèn LED lắp trần/ tường kín nước IP44 Chứa trang trí đèn 15W - 51lm/W, 4,265H106 		

ĐÈN TUYỆP LED - Có thể nối tiếp nhau

<p>HH-LW800119 2.300.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 88,8lm/W Đài 1200mm/Nặng 0,5kg Công suất 10W - AC100 - 220V Có thể nối tiếp nhau 	<p>HH-LW800219 2.300.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 86,1lm/W Đài 1200mm/Nặng 0,5kg Công suất 10W - AC100 - 220V Có thể nối tiếp nhau 	<p>HH-LW800319 1.370.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 6500K - 80lm/W Đài 600mm/Nặng 0,3kg Công suất 5W - AC100 - 220V Có thể nối tiếp nhau 	<p>HH-LW800419 1.370.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Ánh sáng trắng 2700K - 75,8lm/W Đài 600mm/Nặng 0,3kg Công suất 5W - AC100 - 220V Có thể nối tiếp nhau
--	--	--	--

ĐÈN TREO BÀN ĂN - Không kèm bóng

<p>LBC32012K 6.350.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 3 bóng Compact E14 5W/220V Phi 100 x 700/Thân Ø40x1400mm Tần treo: 700-1500mm/nặng 2,3kg Chụp thủy tinh màu trắng sữa, trang trí hạt thủy tinh giác cắt 	<p>LBC32013W 4.200.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 3 bóng compact E14 5W/220V Phi Ø58; Thân Ø20 1400mm Tần treo: 700-1500mm/nặng 2,3kg Chụp thủy tinh màu trắng sữa, trang trí hạt thủy tinh giác cắt 	<p>LBC14362 2.600.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 3 bóng compact E14 5W/220V Đường kính Ø400/1400mm Tần treo: 2025mm/nặng 2,3kg Chụp thủy tinh màu trắng sữa, trang trí đế đèn thủy tinh giác cắt 	<p>LBC13065K 2.500.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng compact E27 11W/220V Chứa Ø40 1650/ Nặng 2,2kg; Tần treo: 800mm Chụp thủy tinh màu trắng sữa, trang trí đế đèn thủy tinh giác cắt
<p>LBC13098K 2.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng compact E27 11W/220V Chứa Ø40 1650/ Nặng 2,2kg; Tần treo: 975mm Chụp thủy tinh màu trắng sữa, trang trí đế đèn thủy tinh giác cắt 	<p>LBC13037 1.750.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng compact E27 11W/220V Chứa Ø40 1450/ Nặng 2,2kg; Tần treo: 1855mm Chụp thủy tinh màu trắng sữa, trang trí đế đèn mạ crom 	<p>LBC13038 1.750.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng compact E27 11W/220V Chứa Ø40 1450/ Nặng 2,2kg; Tần treo: 1855mm Chụp thủy tinh màu trắng sữa, trang trí đế đèn mạ crom 	<p>HEMC2014 2.050.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng compact E27 11W/220V Chứa Ø40 1670/ Nặng 2,2kg; Tần treo: 1800mm Chụp thủy tinh màu trắng sữa

ĐÈN TREO BÀN ĂN LED - Tuổi thọ 40.000 giờ

<p>HH-LB1050188 4.750.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Công suất 8W (0,13A) AC 220-240V, CRI Ra80 Đèn LED ánh sáng trắng 2700K, 64lm/W Đường kính Ø500mm/Cao 110mm/Nặng 2,5kg Tần treo 1300mm, chụp ngoài bằng kim loại chụp trong nhựa trắng sữa 	<p>HH-LB1050288 4.750.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Công suất 8W (0,13A) AC 220-240V, CRI Ra80 Đèn LED ánh sáng trắng 2700K, 64lm/W Đường kính Ø500mm/Cao 110mm/Nặng 2,5kg Tần treo 1300mm, chụp ngoài bằng kim loại chụp trong nhựa trắng sữa 	<p>HH-LB1030188 3.270.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Công suất 0,5W (0,004A) AC 220-240V, CRI Ra80 Đèn LED ánh sáng trắng 2700K, 47,4lm/W Đường kính Ø162mm/Cao 176mm/Nặng 0,8kg Tần treo 1500mm Thân mạ bạc, mặt giả thủy tinh màu xanh trong 	<p>HH-LB1030688 2.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Công suất 0,5W (0,004A) AC 220-240V, CRI Ra80 Đèn LED ánh sáng trắng 2700K, 47,4lm/W Đường kính Ø170mm/Cao 180mm/Nặng 0,8kg Tần treo 1500mm Thân mạ trắng, chụp thủy tinh trắng sữa
<p>HH-LB1030788 2.400.000</p> <ul style="list-style-type: none"> Công suất 0,5W (0,004A) AC 220-240V, CRI Ra80 Đèn LED ánh sáng trắng 2700K, 47,4lm/W Đường kính Ø170mm/Cao 180mm/Nặng 0,8kg Tần treo 1500mm Thân mạ trắng, chụp thủy tinh trắng sữa 	<p>LBC86114 1.530.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng Compact E14 5W/220V Đường kính 100mm/Cao 230mm/Đài 121mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng thủy tinh màu trắng đục Kèm phụ kiện đầy đủ 		

ĐÈN TREO TƯỜNG - Không kèm bóng

<p>HEWC1098K 1.130.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng Compact E27 11W/220V Đường kính 220mm/Đài 121mm/Nặng 0,5kg Chụp đèn bằng thủy tinh màu trắng đục Bộ số lắp trần, khung trang trí mạ vàng kim Kèm công tắc điện 	<p>LBC87062K 950.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng Compact E14 5W/220V Đường kính 140mm/Cao 220mm/Nặng 0,5kg Chụp đèn thủy tinh màu trắng sữa Khung trang trí gỗ sồi Kèm công tắc điện 	<p>LBC86023 1.420.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng Compact E14 5W/220V Đài 120mm/Nặng 120mm/Cao 120mm/Nặng 0,5kg Chụp đèn bằng thủy tinh màu trắng đục Kèm phụ kiện đầy đủ 	<p>LBC86108-46 hạc 960.000</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 bóng Compact E14 5W/220V Đường kính 100mm/Cao 230mm/Đài 121mm/Nặng 0,6kg Chụp đèn bằng thủy tinh màu trắng đục Kèm phụ kiện đầy đủ
---	--	--	---

ĐÈN TRẦN



HFAC1059 **11.350.000**
 - Bóng huỳnh quang 100W-220V ánh sáng trắng
 - Ø710 H420/ Nâng 4.9Kg/ có Remote
 - Chụp nhựa acrylic màu trắng sữa, viền trắng, khung trang trí mạ vàng ánh kim



HFAC1058 **11.350.000**
 - Bóng huỳnh quang 100W-220V ánh sáng vàng
 - Ø710 H450/ Nâng 4.9Kg/ có Remote
 - Chụp nhựa acrylic màu trắng sữa, viền màu nâu đậm, khung trang trí mạ vàng kim cổ điển



HAC9050E **2.100.000**
 - Bóng huỳnh quang 320W-220V ánh sáng trắng
 - Chìa 470 x 470 x H106.5/ Nâng 1.9Kg
 - Chụp vuông góc bo tròn nhựa acrylic trắng



HACL9004E **1.190.000**
 - Bóng huỳnh quang 320W-220V ánh sáng trắng
 - Chìa 4400 H106.5/ Nâng 1.1Kg
 - Chụp nhựa acrylic trắng viền bạc



HAC9016E **1.610.000**
 - Bóng huỳnh quang 32W-220V ánh sáng trắng
 - Chụp nhựa acrylic Ø460 H94/ Nâng 1.3Kg



HAC9231E **1.700.000**
 - Bóng huỳnh quang 32W-220V ánh sáng trắng
 - Chụp nhựa acrylic Ø500 H129/ Nâng 1.3Kg



HACL2004E **1.010.000**
 - Bóng huỳnh quang 22W-220V ánh sáng trắng
 - Chìa Ø310 H85.5/ Nâng 0.8Kg
 - Chụp nhựa acrylic trắng viền bạc



HAC2016E **1.260.000**
 - Bóng huỳnh quang 22W-220V ánh sáng trắng
 - Chụp nhựa acrylic Ø360 H83/ Nâng 0.8Kg



HACL2035KE **870.000**
 - Bóng huỳnh quang 22W-220V ánh sáng trắng
 - Chụp nhựa acrylic Ø310 H88.5/ Nâng 0.8Kg

Đèn Trần-Dùng Bóng COMPACT



Dạng tròn, trắng tròn
NLP52602 **620.000**
 - Đường kính 300mm
 - Sử dụng bóng compact 22W max



Dạng tròn, viền giá kim
NLP52603 **790.000**
 - Đường kính 300mm.
 - Sử dụng bóng compact 22W max



Dạng tròn, viền giá gỗ
NLP52604 **790.000**
 - Đường kính 300mm.
 - Sử dụng bóng compact 22W max



Dạng tròn, trắng tròn
NLP54702 **840.000**
 - Đường kính 400mm
 - Sử dụng 2 bóng Compact 14W max



Dạng tròn, viền giá kim
NLP54703 **1.090.000**
 - Đường kính 400mm
 - Sử dụng 2 bóng Compact 14W max



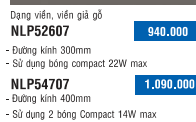
Dạng tròn, viền giá gỗ
NLP54704 **1.090.000**
 - Đường kính 400mm
 - Sử dụng 2 bóng Compact 14W max



Dạng viền, trắng tròn
NLP52605 **620.000**
 - Đường kính 300mm
 - Sử dụng bóng compact 22W max



Dạng tròn, viền nhựa trong
NLP52606 **940.000**
 - Đường kính 300mm
 - Sử dụng bóng compact 22W max



Dạng viền, viền giá gỗ
NLP52607 **940.000**
 - Đường kính 300mm
 - Sử dụng bóng compact 22W max



Dạng viền, trắng tròn
NLP54705 **840.000**
 - Đường kính 400mm
 - Sử dụng 2 bóng Compact 14W max



Dạng tròn, viền nhựa trong
NLP54706 **1.090.000**
 - Đường kính 400mm
 - Sử dụng 2 bóng Compact 14W max



Dạng viền, viền giá gỗ
NLP54707 **1.090.000**
 - Đường kính 400mm
 - Sử dụng 2 bóng Compact 14W max

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 40,000 giờ

SQ-LD600-S **4.200.000**
 - Thiết kế nhỏ gọn và đa năng & có thể gấp đèn sau khi sử dụng
 - Góc độ sáng rộng - đèn có thể xoay được 180 độ
 - Độ sáng rất ổn định & không tạo bóng nhòe
 - Điều chỉnh ánh sáng bằng cảm ứng theo ý muốn
 - Tiết kiệm điện năng - 13W

SQ-LE530-W (Trắng) **3.600.000**
SQ-LE530-H (Xám đậm)
 - Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn
 - Một chiếc đèn, 2 công dụng:
 + Ánh sáng trắng ấm để thư giãn
 + Ánh sáng trắng để đọc sách, làm việc
 - Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau
 - Công suất 7W

SQ-LD300-A (Xanh Dương) **1.920.000**
SQ-LD300-P (Hồng)
SQ-LD300-W (Trắng)
 - Thiết kế nhỏ gọn & có thể gấp lại sau khi sử dụng
 - Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau
 - Tiết kiệm điện năng - 7W

SQ-LD221-R (đỏ) **1.620.000**
SQ-LD221-S (hạc)
 - Thiết kế gọn & có thể gấp đèn sau khi sử dụng
 - Độ sáng rất ổn định & không tạo bóng nhòe
 - Góc độ sáng rộng
 - Tùy chỉnh độ sáng với 5 cấp độ sáng khác nhau
 - Tiết kiệm điện năng - 7W

SQ-LD221-W (trắng) **1.300.000**
SQ-LD220-S (đen bạc)
 - Thiết kế gọn & có thể gấp đèn sau khi sử dụng
 - Độ sáng rất ổn định & không tạo bóng nhòe
 - Góc độ sáng rộng
 - Tiết kiệm điện năng - 6W

Bóng Đèn COMPACT - dưới E27

Thích hợp cho đèn Downlight Panasonic

Bảo hành 18 tháng
 Bảo hành từ tháng 18 đến 30 đối với bóng còn mới, không bị cháy đèn
 Tuổi thọ: 10,000 giờ

W	Ánh sáng	Lumen	Giá
5	Trắng	310	62.000
5	Vàng	250	62.000
8	Trắng	500	62.000
8	Vàng	520	62.000
11	Trắng	658	72.000
11	Vàng	730	72.000
14	Trắng	915	75.000
14	Vàng	975	75.000
19	Trắng	1250	92.000
19	Vàng	1350	92.000
22	Trắng	1450	95.000
22	Vàng	1550	95.000
25	Trắng	1660	95.000
25	Vàng	1750	95.000

Bóng Đèn LED - dưới E27

Thân thiện với môi trường (Không chứa Thủy Ngân)

Bật sáng tức thời *** Lưu ý: Không dùng chung với Dimmer

Bật tắt: 100,000 lần Bảo hành 18 tháng

W	Ánh sáng	Lumen	Góc phát sáng	Giá
4	Trắng	310	120	350.000
4	Vàng	250	120	350.000
Tương đương bóng Compact 8W Tuổi thọ: 40,000 giờ				
7	Trắng	510	160	510.000
7	Vàng	470	160	510.000
Tương đương bóng Compact 11W Tuổi thọ: 40,000 giờ				
9	Trắng	700	160	650.000
9	Vàng	638	160	650.000
Tương đương bóng Compact 14W Tuổi thọ: 40,000 giờ				

Bật tắt: 50,000 lần

W	Ánh sáng	Lumen	Góc phát sáng	Giá
5	Trắng	350	120	230.000
5	Vàng	270	120	230.000
Tương đương bóng Compact 8W Tuổi thọ: 25,000 giờ				
8	Trắng	650	120	295.000
8	Vàng	590	120	295.000
Tương đương bóng Compact 11W Tuổi thọ: 25,000 giờ				
10	Trắng	806	120	395.000
10	Vàng	750	120	395.000
Tương đương bóng Compact 14W Tuổi thọ: 15,000 giờ				

Bóng Thay Thế Cho Đèn Panasonic Các Loại

Bóng huỳnh quang 40W dùng cho:
HACZ7503E
FCLE40EXDBMLCP (6700K) **510.000**

Bóng huỳnh quang 32W dùng cho:
HAC9231E, HAC9016E, HAC9004E, HAC9050E
FCLE32EXDBMLCP (6700K) **195.000**

Bóng huỳnh quang 22W dùng cho:
HAC2016E, HACL2004E, HACL2035KE, HMC22401E
FCLE22EXDBMLCP (6700K) **195.000**

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 01 chiếu - Có màn che					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa ổ vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-20AL9	22	546	40	25	968.000
FV-25AL9	29	635	43	30	1.458.000
FV-30AL7	29	955	43	35	2.133.000

Loại 02 chiếu - Có màn che					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa ổ vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-20RL7	20	546	39	25	1.548.000
FV-25RL7	29	616	41	30	1.970.000
FV-30RL6	31	890	44	35	2.600.000

Loại 01 chiếu - Không có màn che					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa ổ vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-20AU9	22	580	38	25	776.000
FV-25AU9	29	620	39	30	876.000
FV-30AU9	29	1.200	39	35	1.410.000

Loại 02 chiếu - Không có màn che					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa ổ vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-20RG7	20	580	36	25	1.430.000
FV-25RG7	29	645	38	30	1.650.000
FV-30RG7	31	1.165	39	35	1.980.000

Có màn che chống ồn trong và ống thông nghiêng cân mức					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính chứa ổ vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-10EGS1	5,5	75	35	12	758.000
FV-15EGS1	6,2	150	36	16,5	918.000

Có nắp che mưa					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đường kính chứa ổ vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-10EGK	5,5	75	33	12,5	808.000
FV-15EGK	6,2	160	34	17	1.090.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đơn giá (VNĐ)
FV-25AUF1	34	835	42	1.450.000

- Nắp chụp bảo vệ bằng nhôm không dính nước.
- Đầu sẽ động lại thành tấm gạt và ra vào khay chứa dầu.
- Có bộ lọc tự làm, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn.
- Có kim chỉ mức dầu.

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đơn giá (VNĐ)
FV-10BATT	15	85	40	1.380.000

- Thiết kế dành riêng cho phòng tắm.
- Kích thước lắp tường 16cm x 21 cm

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đơn giá (VNĐ)
FV-15WU4	8	210	35	900.000
FV-20WU4	16	360	32	1.170.000

- Quạt hút áp tích kín.
- Đường kính ống dẫn 17,2cm / 23,8 cm

MÁY SỬU DÙNG CHO PHÒNG TẮM CÓ CHỨC NĂNG THÔNG GIÓ

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đơn giá (VNĐ)
FV-27BV1	130	150	46	5.990.000

- Chức năng thông gió và sưởi ấm.
- Kích thước lắp đặt 270mm x 270mm.
- Kích thước ống dẫn 4/100mm

QUẠT HÚT ẨM TRẦN

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lắp vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-20CU1	22,6	438	40,5	26	810.000

Không dùng với ống dẫn

Dùng với ống dẫn ø100mm - 1 cấp tốc độ					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lắp vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-17CU7	11	85	26	17	2.216.000
FV-24CU7	14	140	28	23	2.750.000
FV-24CD7	17	170	31	23	2.330.000
FV-24CH7	20	200	35	23	2.870.000

Dùng với ống dẫn ø150mm - 2 cấp tốc độ

Dùng với ống dẫn ø150mm - 2 cấp tốc độ					
Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lắp vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-27CH9	23 (Low)	290 (Low)	30	26	4.050.000
FV-32CH9	28 (High)	330 (High)	34	28	4.100.000
FV-32CH9	32 (Low)	300 (High)	28	31	6.100.000
FV-32CH9	42 (High)	430 (High)	36	31	6.200.000
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	24	31,2	6.650.000
FV-32CH9	55 (High)	530 (High)	41	31,2	6.650.000
FV-38CD9	66 (Low)	430 (Low)	35	37,8	6.300.000
FV-38CD9	90 (High)	640 (High)	44	37,8	6.300.000
FV-38CH9	89 (Low)	525 (Low)	40	37,6	9.300.000
FV-38CH9	122 (High)	800 (High)	50	37,6	9.300.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đơn giá (VNĐ)
FV-24JR2	5.000.000			
FV-24JA2	4.350.000			

- Động cơ DC mạnh mẽ, nhiều cấp lưu lượng gió.
- Kích thước lắp trần vướng 23cm.
- Có sensor cảm ứng hồng ngoại (FV-24JR2)
- 1 chế độ hẹn giờ tắt: 15 phút (FV-24JR2)
- Dùng với ống dẫn ø100mm, 3 cấp lưu lượng gió: 80/120/160.
- Công suất 16W.
- Lưu lượng gió 160CMH

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP Industrial Ventilating Fans

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lắp vướng (cm)	Đơn giá (VNĐ)
FV-40KUT	61	2060	49	43,5 x 43,5	3.250.000

Động cơ 01 pha - Có thanh chắn

Đông sản phẩm chịu áp lực cao

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Đơn giá (VNĐ)	
FV-25GS4	39	1150	34	27,5	4.450.000
FV-30GS4	59	1820	38	32,5	6.150.000
FV-35GS4	88	2560	44	39,5	7.550.000
FV-40GS4	161	3610	47	44,5	9.600.000
FV-45GS4	227	5200	51	50,0	15.700.000

MÁY SẤY TAY AUTOMATIC HAND DRYER

FJ-T10T1 **19.500.000**

- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn.
- Giúp sấy khô nhanh trong vòng 3- 5 giây với chức năng sấy tay 2 mặt bên và 4 vòi phun.
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (Hi/Lo).
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục.
- Đèn LED tín hiệu.
- Kích thước: 670 x 189 x 242 mm

FJ-T09A3 (Có khay nước) **7.050.000**

- Sấy khô tay trong vòng vài giây.
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch).
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè.

FJ-T09B3 (Không có khay nước) **5.990.000**

- Sấy khô tay trong vòng vài giây.
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch).
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè.

CHUÔNG CỬA MÀN HÌNH

Thông số kỹ thuật	VL-SW251VN	VL-SW251VN-S	VL-SF70VN
Giá	10.500.000	12.900.000	5.500.000
Màn hình chính (LCD)		5,2"	7"
Chức năng tự ghi hình		Có	Có
Ghi hình		50 cuộn gọi - 400 hình	50 cuộn gọi
Thay đổi giọng nói		Có	-
Kết nối khóa điện tử		Tối đa 2	Tối đa 2
Kết nối màn hình chính		1	Tối đa 3
Kết nối nút nhấn chuông		Tối đa 2	Tối đa 2
Kết nối nút nhấn chuông sảnh		Có	-
Kết nối màn hình phụ đi động		Tối đa 4	-
Nút nhấn chuông có đèn LED dùng ban đêm		Có	Có
Kết nối bộ phận tiếp sóng		Có	-
Chỉ số chống bụi & chống nước của nút nhấn chuông		IPX3	IP44
Bi dây giữa màn hình chính và chuông cửa		2 dây không phân cực	4 dây
Nút nhấn chuông	VL - VS22LV	VL - G005VN-S	VL - VF50VN

THIẾT BỊ THAY THẾ VÀ TỤY CHỌN

VL-MW251VN 5.900.000	Màn hình chính dùng trong bộ VL-SW251VN	VL-MF70VN 4.400.000	Màn hình chính dùng trong bộ VL-SF70VN	VL-W65VN 2.800.000	Màn hình phụ đi động dùng trong bộ VL-SW251VN
VL-VS22LV 2.300.000	Nút nhấn chuông dùng trong bộ VL-SW251VN - IPX3	VL-G005VN-S 4.500.000	Nút nhấn chuông dùng trong bộ VL-SW251VN - Vỏ kim loại chống nước	VL-VF50VN 3.100.000	Nút nhấn chuông dùng trong bộ VL-SF70VN - IP44
VL-FAN1VN 3.200.000	Thiết bị tiếp sóng dùng trong bộ VL-SW251VN	VL-V50VN 11.200.000	Nút nhấn chuông đặt sảnh dùng trong bộ VL-SW251VN - Vỏ kim loại chống nước	F-BV566 140.000	Nắp chụp bảo vệ nút nhấn chuông VL-VS22LV

QUẠT HÚT KHÓI DÙNG ỐNG DẪN - 02 ĐỘNG CƠ

FV-70HQ1-S (Màu bạc) **6.900.000**

FV-70HQ1-G0 (Màu vàng ánh kim)

- Chiều dài 700mm
- Sử dụng cần gạt để điều khiển
- Độ ồn (dB): 53

FV-70HQ1-S (Màu bạc) **7.780.000**

FV-70HQ1-G0 (Màu vàng ánh kim)

- Chiều dài 700mm
- Sử dụng nút nhấn để điều khiển
- Độ ồn (dB): 53

QUẠT CHẤN GIÓ - 02 CẤP ĐỘNG

Mã số Code	Chiều cao chứa gió (mm)	Chiều dài Lưới (mm)	Độ ồn (dB)	Đơn giá Price (VNĐ)
FY-08ESN	2,5	0,9	38	10.700.000
FY-08ELN	2,5	1,2	40	11.700.000
FY-10ESN	3	0,9	40	15.500.000
FY-10ELN	3	1,2	41	16.200.000

Quạt Trần - Ceiling Fan

* Cảnh báo: dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

F-60PZN
 8.490.000
 - Đường kính cánh: 140cm
 - Chiều dài ti 30cm

- 7 cấp độ gió
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/1 Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ (1 - 8 giờ)
- Chức năng tự thay đổi tốc độ theo nhiệt độ phòng

F-56MPG-G0 (Màu vàng ánh kim)
F-56MPG-S (Màu bạc)
 3.110.000
 - Đường kính cánh: 140cm
 - Chiều dài ti 30cm

- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

F-56PZM
 7.150.000
 - Đường kính cánh: 140cm
 - Chiều dài ti 30cm

- 5 cấp độ gió
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/1 Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ (1 - 8 giờ)
- Chức năng tự thay đổi tốc độ theo nhiệt độ phòng

F-56MZG-G0 (Màu vàng ánh kim)
F-56MZG-S (Màu bạc)
 3.110.000
 - Đường kính cánh: 140cm
 - Chiều dài ti 48cm

- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt

Màu trắng viền vàng
 Hợp số loại nhỏ

- 5 cấp độ gió
- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- Cảnh quạt được gia cố thêm lúc vận hành

F-60MZZ (Chiều dài ti: 50cm)
F-60MZZ-S (Chiều dài ti: 30cm)
 1.380.000
 - Đường kính cánh: 150cm

F-60WVK
 6.350.000
 - Đường kính cánh: 140cm
 - Chiều dài ti 30cm

- 7 cấp độ gió
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/1 Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ (1 - 8 giờ)

F-60TDN
 6.350.000

- Động cơ DC tiết kiệm điện
- 9 cấp độ gió
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/1 Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ (1 - 8 giờ)

F-60TAN
 8.490.000

- Động cơ DC tiết kiệm điện
- 9 cấp độ gió
- Dây an toàn
- Chức năng tạo gió thiên nhiên (1/1 Yuragi)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- Màn hình remote bằng LED
- 8 chế độ hẹn giờ (1 - 8 giờ)
- 8 chế độ hẹn giờ (1 - 8 giờ)

Quạt đứng - Standing fan

F-409KB (Màu xanh)
F-409KBE (Màu beige)
F-409KMR (Màu đỏ)
 3.550.000

- Đường kính quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 143cm
- 143cm
- Có remote
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ

F-407WGO (Màu vàng kim)
F-308NHB (Màu xanh)
F-308NHP (Màu hồng)
 2.920.000

- Đường kính cánh quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 143cm
- 171cm
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

F-307KHB (Màu xanh)
F-307KHS (Màu bạc)
 3.520.000

- Đường kính cánh 30cm
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/1 Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
- Chiều cao quạt 91-105cm

Quạt bàn - Desk fan

F-400CB (Màu xanh)
F-400CI (Màu ngà)
 1.280.000

- Đường kính quạt 40cm
- Di chuyển dễ dàng

F-409QB (Màu xanh)
F-409QG0 (Màu vàng)
 2.860.000

- Đường kính quạt 40cm
- Quạt đảo 360 độ
- Sử dụng hợp số 3 cấp độ gió

Quạt treo tường - Wall fan

F-409MB (Màu xanh)
F-409MG (Màu xám)
 2.460.000

- Đường kính quạt 40cm
- 3 cấp độ gió
- Có remote
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ

F-409UB (Màu xanh)
F-409UG0 (Màu vàng kim)
 1.990.000

- Đường kính quạt 40cm
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc gạt dây

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Loại 3.5 KW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25 độ C, loại 4.5 KW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20 độ C

DH-3JL3VH
 Công suất 3.5KW
 2.880.000

- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vận xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch

DH-3SH2VH (Loại 3.5 KW)
DH-4HS1V (Loại 4.5 KW)
DH-6HS1V (Loại 6.0 KW)
 3.000.000
 3.360.000
 3.650.000

- Chức năng e.Cycle, Chức năng Hybrid
- Màn hình LCD hiển thị nhiệt độ và thời gian
- Tính năng tạo bọt khí, massage 3 nhịp
- Tăng cường 20% sức mạnh với sen massage tăng chi phí
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ giúp kháng khuẩn và dễ lau chùi
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch, 9 tính năng an toàn

DH-3KD1V (Loại 3.5 KW)
DH-6KD1V (Loại 6.0 KW)
 5.350.000
 5.400.000

- Chức năng e.Cycle, Chức năng Hybrid
- Màn hình LCD hiển thị nhiệt độ và thời gian
- Tính năng tạo bọt khí, massage 3 nhịp
- Tăng cường 20% sức mạnh với sen massage tăng chi phí
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ giúp kháng khuẩn và dễ lau chùi
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch, 9 tính năng an toàn

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

- 9 tính năng an toàn - Bảo hành 24 tháng

DH-3P3VK
 Công suất 3.5KW
 4.750.000

- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp (0.05 kg/cm²)
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm

DH-3KP1VW
 Công suất 3.5KW
 5.050.000

- Chức năng e.Cycle
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp (0.05 kg/cm²)
- Điều chỉnh công suất với cấp
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Bơm bảo hành 5 năm

DH-4HP1W
 Công suất 4.5KW
 4.910.000

- Thiết kế tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Tính năng chống ngưng với sen Ag+
- Điều chỉnh công suất với cấp
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Bơm bảo hành 5 năm

MÁY BƠM ĐẨY CAO

GP-129JXK-SV5 (Không dây)
GP-129JXK-NV5 (Có dây)
 1.470.000
 1.480.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Chiều cao đẩy 21m

GP-200JXK-SV5 (Không dây)
GP-200JXK-NV5 (Có dây)
 1.830.000
 1.840.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 21m

GP-350JA-SV5 (Không dây)
GP-350JA-NV5 (Có dây)
 4.400.000
 4.410.000

- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 36m

MÁY BƠM TĂNG ÁP

A-130JAK
 Công suất 125W
 2.080.000

- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m

A-200JAK
 Công suất 200W
 2.380.000

- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m

A-130JACK
 Công suất 125W
 2.460.000

- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ nano-technology + electric

F-PXH55A 13.200.000
F-PXF35A 6.500.000
F-PXJ30A 4.300.000

Thông số kỹ thuật	F-PXH55A	F-PXF35A	F-PXJ30A
- Lưu lượng gió (m ³ /min) - hi	5.5	3.5	2.8
- Điện tiêu thụ (W) - hi	49	20	30
- Độ ồn [dB(A)] - hi	52	44	44
- Phạm vi hoạt động [m ²]	42	26	20
- Công nghệ ion	nanoe™	nanoe™	nanoe™
- Loại Motor	DC	DC	AC
- Hút gió 3 chiều (Đầu hút dưới)	●	●	●
- Cảm biến sensor	●	●	●
- Bộ nhớ ô nhiễm	●	●	●
- Chế độ tự động	●	●	-
- Chế độ Turbo	●	●	●
- Chế độ ngủ (8 giờ)	●	●	●
- Chế độ bảo thay bộ lọc	●	●	●
- Kích thước (C X R X S)[mm]	580 x 300 x 205	320 x 300 x 189	540 x 311 x 210
- Econavi	●	-	-
- Tuổi thọ bộ lọc (hỗn hợp) (khô mùa)	10 năm	3 năm	2 năm
- Giá bộ lọc (hỗn hợp) (khô mùa)	1.830.000 550.000	970.000 460.000	930.000 500.000

